

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-DS ngày 19/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Hạnh N, sinh năm 2002. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ D, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2023, nguyên đơn chị Lâm Hạnh N trình bày:

Chị N với anh Nguyễn Văn B sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không chăm lo cho vợ con, chỉ lo ăn chơi, cờ bạc khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2021, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không có sự yêu thương, không quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 12/3/2019, Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 10/10/2020, hiện nay đang ở với chị N. Khi

ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B không đến Tòa làm việc nên không thu thập được lời khai của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị N, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị N, anh B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị N cùng giấy chứng nhận kết hôn, thấy rằng: Chị N và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2018. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N thì hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 nhưng do anh B chỉ lo chơi bời, không chăm lo cho vợ con, không có sự quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 26/7/2023 thì chị N và anh B đã không còn chung sống với nhau, cho thấy mâu thuẫn của các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 12/3/2019, Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 10/10/2020. Xét thấy 02 con chung đang còn nhỏ, hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc. Anh B hiện không có mặt tại địa phương, không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho

việc chăm sóc, phát triển bình thường của con chung nên cần giao 02 con chung cho chị N chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Hạnh N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lâm Hạnh N và anh Nguyễn Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 12/3/2019, Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 10/10/2020 cho chị Lâm Hạnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lâm Hạnh N phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí

số 0014682 ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Minh Hải**